

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 06/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 11-01-2023.

V/v “Xin ly hôn ”giữa chị Vi

Thị T và anh Đinh Thế B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Ry**.

- Bà **Phan Thị Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 255/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T**– Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 8, xã L An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Đinh Thế B** – Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 8, xã L An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-8-2022 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, kinh tế. Tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân nhau không quan tâm chăm sóc nhau, do vậy chị T xin được ly hôn với anh B

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh B có 02 người con chung tên là Đinh Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đinh Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016, ly hôn chị T đồng ý giao 02 con chung là cháu L và cháu H cho anh B

nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị T và anh B không tạo lập được tài sản chung nào và cũng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh B :

Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất với lời trình bày trên của chị T và đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị T có 02 người con chung tên là Đinh Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đinh Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016, ly hôn anh B yêu cầu được nhận nuôi 02 con chung là cháu L và cháu H cho đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và không đồng ý cho chị T thăm nuôi gặp gỡ con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh B và chị T không tạo lập được tài sản chung nào và cũng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh B có đơn đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T về việc “ xin ly hôn ” với anh Đinh Thế B . Xử cho chị **Vi Thị T** và anh **Đinh Thế B** được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao con chung là Đinh Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đinh Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016 cho anh B nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu H tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân chính của mâu thuẫn là hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, kinh tế. Tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân nhau không quan tâm chăm sóc nhau do vậy chị T xin được ly hôn với anh B và anh B cũng đồng ý được ly hôn với chị T, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho chị Vi Thị T và anh Đinh Thế B được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh B có 02 người con chung tên là Đinh Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đinh Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016, ly hôn chị T đồng ý giao 02 con chung là cháu L và cháu H cho anh B nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi, anh B đồng ý nhận nuôi 02 con chung là cháu L và cháu H cho đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cháu L và cháu H có nguyện vọng muốn được ở với anh B. Do vậy cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Đinh Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đinh Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016 cho anh B nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu H tròn 18 tuổi.

Do anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B không đồng ý cho chị T thăm nuôi, chăm sóc gặp gỡ con là không có cơ sở chấp nhận vì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về nợ chung: Chị T và anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T về việc “ xin ly hôn ” với anh Đinh Thế B. Xử cho chị **Vi Thị T** và anh **Đinh Thế B** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Giao con chung là Đình Vi Gia L – Sinh ngày 23/11/2012 và Đình Nhật H – Sinh ngày 02/6/2016 cho anh B nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu H tròn 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Vị Thị T phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009563 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“T hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

